

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...):

| Stt | Tên tài sản | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Tỷ lệ BT, HT (%) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----------------------|---|-------------|----------|---------|------------------|-------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Cây lộc vừng kích thước 20cm ≤ dk thân < 30cm | cây | 1 | 391.700 | 50% | 195.850 | |
| 2 | Cây trứng cá kích thước 30cm ≤ dk thân < 40cm | cây | 1 | 195.900 | 50% | 97.950 | |
| 3 | Cây mít kích thước 10cm ≤ dk thân < 15cm ; cao ≥ 3,5m | cây | 1 | 435.200 | 50% | 217.600 | |
| 4 | Cây ôi kích thước 10cm ≤ dk thân < 20cm ; 1,5m ≤ cao < 2m | cây | 1 | 152.300 | 50% | 76.150 | |
| Tổng cộng: (C) | | | | | | 587.550 | |

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

| Stt | Khoản bồi thường, hỗ trợ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----------------------|--|----------------|------------|-----------|--------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(4)x(5) | (7) |
| 1 | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 290.000đ/m ² x 5 lần = 1.450.000đ/m ² . | m ² | 107,0 | 1.450.000 | 155.150.000 | |
| 2 | Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp dưới 30% diện tích đất NN đang sử dụng (30kg x 3 tháng x 16.600đ/kg = 1.494.000đ/khẩu nông nghiệp). | Khẩu | 1 | 1.494.000 | 1.494.000 | |
| 3 | Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 10.000đ/m ² nhưng tối đa không quá 10.000.000đ/chủ sử dụng đất. | m ² | | | 0 | Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định |
| Tổng tiền: (D) | | | | | 156.644.000 | |

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (nếu có) (E): Không

5. Phương án tái định cư (F): Không

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D)

188.261.550 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (E) + (F)

0 đồng

V. Tổng số tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

188.261.550 đồng

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Bằng chữ: Một trăm tám mươi tám triệu hai trăm sáu mươi một nghìn năm trăm năm mươi đồng.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hương